

Bản án số: **728/2024/DS-ST**
Ngày: 23-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Mỹ Cẩm

2/ Ông Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST-DS ngày 24/4/2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 815/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam) ; Trụ sở: I P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G; Địa chỉ: P tầng D Tòa nhà G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy ủy quyền ngày 01/6/2024.

Bị đơn: Ông Trần Thái T – sinh năm 1982; Địa chỉ: 1 N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Công ty T1 (VIỆT NAM) có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Phước Quỳnh G trình bày:

Ngày 10/11/2022, Công ty T1 (VIỆT NAM) (sau đây gọi là nguyên đơn) có ký Hợp đồng tín dụng số: 3910656 về việc cấp tín dụng cho ông Trần Thái T (bị đơn) với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng gồm 30.000.000 tiền vay và 2.310.000 đồng tiền bảo hiểm, kỳ hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/11/2025. Sau khi ký kết, nguyên đơn đã giải ngân theo đúng quy định. Theo đó, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng là 1.720.322 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi tính trên số tiền vay

gốc ban đầu với lãi suất 4%/tháng chia cho 30 kỳ, từ kỳ 31 đến kỳ 36 không tính lãi, chỉ trả tiền gốc còn thiếu.

Sau khi được giải ngân, từ ngày 26/04/2023, bị đơn đã không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại, gửi thư đề thông báo trực tiếp cho bị đơn biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nhưng bị đơn vẫn không thực hiện.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 54.051.459 đồng trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 30.259.241 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.321.348 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 5.181.759 đồng, tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 1.289.111 đồng.

Đồng thời bị đơn phải thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 24/9/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi, phí theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, theo xác minh của Công an P, quận T thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện đang sinh sống tại địa chỉ 1 Đường số E, khu phố B, phường B, quận B. Tuy nhiên, theo xác minh của Công an phường B, quận B thì bị đơn không cư trú tại địa chỉ này. Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không

thông báo cho nguyên đơn thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên địa chỉ của bị đơn được xác định là tại 1 N, Phường F, quận T. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn có mặt. Bị đơn dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 30.259.241 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:* Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 3910656 ngày 08/11/2022. Theo đó nguyên đơn đã đồng ý cho bị đơn vay với số tiền 32.310.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo hợp đồng tín dụng, lịch sử thanh toán của bị đơn do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày 22/02/2023, bị đơn đã thanh toán được 5 kỳ với tổng số tiền 8.592.566 đồng, trong đó số tiền gốc đã thanh toán là 2.050.759 đồng, tiền lãi đã thanh toán là 6.490.851 đồng và phí là 50.956 đồng. Tính đến ngày 23/9/2024, bị đơn còn nợ số tiền gốc là 30.259.241 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 31.423.206 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi và phí tính đến ngày 23/9/2024 bao gồm: tiền lãi trong hạn là 17.321.348 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.181.759 đồng, lãi chậm trả là 1.289.111 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, thấy:*

Căn cứ vào lời trình bày, bảng sao kê chi tiết tính lãi của nguyên đơn thì mức lãi suất, thời gian tính lãi cũng như số tiền lãi phát sinh là phù hợp các quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định: “*Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn*”.

Ngoài ra Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về việc thu các khoản phí liên quan đến hoạt động cho vay, gồm: 1. Phí trả nợ trước hạn trong trường hợp*

khách hàng trả nợ trước hạn. 2. Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng. 3. Phí thu xếp cho vay hợp vốn. 4. Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu. 5. Các loại phí khác liên quan đến hoạt động cho vay được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật liên quan.”

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi và phí giữa nguyên đơn và bị đơn trong hợp đồng tín dụng đã ký là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó, yêu cầu này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Do đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn tự chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[2.4] Phương thức và thời hạn thanh toán: Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nêu trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty T1 (VIỆT NAM).

- Buộc ông Trần Thái T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T1 (VIỆT NAM) tổng số tiền tính đến ngày 23/9/2024 là 54.051.459 đồng (Năm mươi bốn triệu không trăm năm mươi một ngàn bốn trăm năm mươi chín đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 30.259.241 đồng (Ba mươi triệu không trăm năm mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi một đồng), tiền lãi trong hạn là 17.321.348 đồng (Mười bảy triệu ba trăm hai mươi một ngàn ba trăm bốn mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn là 5.181.759 đồng (Năm triệu một trăm tám mươi một ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng), lãi chậm trả là 1.289.111 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi chín ngàn một trăm mười một đồng).

- Ông Trần Thái T có trách nhiệm tiếp tục trả Công ty T1 (VIỆT NAM) các khoản lãi, phí phát sinh kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 3910656 ngày 08/11/2022 mà 02 bên đã ký.

- Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Thái T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.702.573 đồng (Hai triệu bảy trăm lẻ hai ngàn năm trăm bảy mươi ba đồng).

- H lại cho Công ty T1 (VIỆT NAM) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.051.319 (Một triệu không trăm năm mươi một ngàn ba trăm mười chín đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001546 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- CCTHADS quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo